

廣亞學校財團法人
Yayasan Yuda University
育達科技大學基本服務學習課程實施細則

TẬP ĐOÀN GIÁO DỤC QUẢNG Á
KHÓA HỌC CÔNG TÁC DỊCH VỤ CƠ BẢN TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC KỸ THUẬT
DỤC ĐẠT

103 年 1 月 3 日育亞(學務)字第 1030000054 號令發布
Công bố phát lệnh số 1030000054 được ban hành vào ngày 3 tháng 1 năm 103

第一條 廣亞學校財團法人育達科技大學(以下簡稱本校)，為使基本服務學習課程之實施有所依循，依據本校服務教育實施辦法，訂定本細則。

Điều 1: Tập đoàn giáo dục Quảng Á trường Đại học Khoa Học Kỹ Thuật Dục Đạt(bên dưới là tên viết tắt của trường), để thực hiện theo chương trình học lớp dịch vụ cơ bản, dựa trên phương pháp thực hiện giáo dục lớp học dịch vụ cơ bản của trường. Đại học Khoa học và Công nghệ Yuda Khóa học dịch vụ cơ bản

第二條 基本服務學習課程實施方式如下：

- 一、週一至週五每天各實施半小時，其服務學習時段與區域由學生事務處服務學習組(以下簡稱服學組)負責分配及公告。
- 二、基本服務學習課程之工作與範圍，主要包括下列各項：
 - (一)校內各大樓內部及周圍場所之環境衛生。
 - (二)校園環境清潔。
 - (三)其他各種服務性工作。
- 三、基本服務學習課程分組及工作輪調與督導，由服學組規劃及分配，導師負責叮嚀該班學生執行，全體教職員共同協助與輔導。
- 四、身心障礙學生之工作內容得依身體狀況向學生事務處服務學習組申請專案處理。

Điều 2: Chương trình học tập lớp học dịch vụ cơ bản được thực hiện như sau:

1. Mỗi ngày từ thứ Hai đến thứ Sáu thời gian học tập trong nửa tiếng, thời gian và địa điểm học tập của lớp học dịch vụ cơ bản được phân công và công bố bởi Nhóm Học tập công tác phục vụ Sinh viên (sau đây gọi tắt là Nhóm công tác sinh viên)
2. Thứ hai, công việc và phạm vi của chương trình học dịch vụ cơ bản chủ yếu bao gồm các mục sau:
 - (1) Vệ sinh môi trường xung quanh khuôn viên trường và trong trường.
 - (2) Môi trường khuôn viên sạch sẽ.
 - (3) Một số công việc dịch vụ khác.

3. Phân nhóm và phân công theo tuần, giám sát khóa học dịch vụ cơ bản, từ việc lập kế hoạch và phân bố công việc của nhóm công tác sinh viên. Giao viên có nhiệm vụ hướng dẫn nhóm công tác sinh viên thực hiện, tất cả các giáo viên cùng nhau hỗ trợ và tư vấn.

4. Đối với những sinh viên bị khuyết tật về thể chất và tinh thần, nhóm học tập công tác phục vụ sinh viên phải lập ra kế hoạch riêng về nội dung công việc để phù hợp với tình trạng thể chất của họ.

第三條 基本服務學習課程之學期總成績滿分為一百分，以六十分為及格，成績不及格者應重修補作時數為六十小時，基本服務學習課程成績及格方准畢業，評分方式如下：

- 一、缺席(含事、病假及曠課)一次扣學期總成績五分，補作完畢者不扣分。
- 二、遲到、早退一次扣總成績三分，遲到十分鐘以上視同曠課，補作完畢者不扣分。
- 三、公假、喪假及婚假請假核准者，在規定天數內不予扣分。

Điều 3:

Tổng số điểm của học kỳ của khóa học dịch vụ cơ bản được tính là 100 điểm, từ 60 điểm trở lên thì thông qua. Những người không đạt điểm sẽ phải học bù với số giờ học là 60 giờ. Đối với những bạn đã thông qua, cách tính điểm trung bình như sau:

1. Vắng mặt (bao gồm cả việc riêng, nghỉ ốm, sự cố, nghỉ ốm), mỗi lần vắng mặt sẽ bị trừ 5 điểm trên tổng số điểm của cả năm học, đối với những trường hợp học bù để tốt nghiệp thì không bị trừ điểm.

Thứ hai, cuối, nghỉ sớm một lần trừ tổng số điểm của ba điểm, trễ hơn mười phút là cùng một lớp, hoàn thành việc hoàn thành hình phạt.

3. Đối với những người chấp thuận nghỉ phép công cộng, nghỉ phép và nghỉ phép kết hôn, không bị phạt sẽ được khấu trừ trong số ngày được chỉ định.

第四條 修習基本服務學習課程學生之請假程序如下：

- 一、公假：1. 校外活動須檢附來函單位證明文件。
2. 公假需事先完成核假手續。
- 二、喪假：凡本人之直系、旁系（兄、弟、姐、妹）、配偶及配偶之直系親屬死亡者，應檢具有效證明文件申請喪假七日，逾七日以事假論。
- 三、婚假：婚假需檢附請帖或結婚證書等相關證明文件申請婚假七日，逾七日以事假論。
- 四、產假：因產假（含產前假、分娩假、流產假）、陪產假而請假者，應檢具醫療院所出具之證明書填寫請假單，並準用公假方式辦

理。

五、事假、病假：銷假後七日內完成線上或紙本請假手續，並於兩週內補作完成；且必須於期末考結束前完成所有補作。

Điều 4 Thủ tục cho sinh viên tham gia khóa học dịch vụ cơ bản như sau:

1. Ngày lễ: 1. Các hoạt động ngoài khuôn viên phải có kèm theo bằng chứng tài liệu của thư.

2. Việc nghỉ phép công cộng phải được hoàn thành trước.

Thứ hai, nghỉ lễ: Bất kỳ ai trực tiếp hay gián tiếp (anh trai, anh trai, chị gái, chị em), người thân của vợ / chồng và người phối ngẫu ngay lập tức nên được kiểm tra tính hợp lệ vào ngày thứ 7 và hơn 7 ngày nghỉ.

Thứ ba, việc kết hôn: nghỉ hôn nhân cần phải được đính kèm với các tài liệu liên quan như giấy mời hoặc giấy đăng ký kết hôn để xin nghỉ kết hôn trong bảy ngày, hơn bảy ngày trên cơ sở nghỉ phép.

Thứ tư, nghỉ thai sản: do nghỉ thai sản (bao gồm nghỉ thai, nghỉ sinh con, nghỉ thai), nghỉ thai sản và nghỉ phép, nên được cơ quan y tế kiểm tra cấp giấy chứng nhận để điền vào mẫu nghỉ phép và sử dụng nghỉ phép công cộng.

5. Nghỉ phép, nghỉ ốm: Hoàn tất thủ tục nghỉ trực tuyến hoặc giấy trong vòng 7 ngày sau khi nghỉ phép, và hoàn thành công việc trong vòng hai tuần, và tất cả các chất bổ sung phải được hoàn thành trước khi kết thúc kỳ thi cuối khóa.

第五條 學生因事假、病假、曠課而無法實施服務學習，申請補作之方式如下：

一、至服學組網站登記請假及補作申請。

二、依所選補作日期及補作時段後由服學組負責分配並施行補作。

三、補作時段不得與該生當梯次基本服務學習時段相同，且缺席一次則補作時數以一小時為原則。

四、若屬不可抗力之重大事故缺席者，得專案簽請適宜之補作方式，且不受前款(缺席一次則補作時數以一小時為原則)之限制。

Điều 5 Học sinh không thể thực hiện dịch vụ học tập do nghỉ phép, nghỉ ốm, hoặc vắng mặt, phương pháp xin bồi thường như sau:

1. Truy cập trang web của nhóm dịch vụ để đăng ký nghỉ phép và lập đơn đăng ký.

2. Nhóm dịch vụ chịu trách nhiệm phân bổ và thực hiện bổ sung theo ngày bổ sung đã chọn và thời gian bổ sung.

3. Thời gian bổ sung không được giống như thời gian học tập dịch vụ cơ bản của học sinh, và việc vắng mặt một lần sẽ được dựa trên một giờ.

4. Nếu người vắng mặt trong một tai nạn lớn là bất khả kháng, họ phải ký một phương thức bổ sung phù hợp cho dự án và không bị hạn chế của đoạn trên (nguyên tắc một giờ về số giờ vắng mặt).

第六條 基本服務學習課程成績不及格者，重補修基本服務學習課程實施方式如下：

- 一、學期中選擇早上、中午或傍晚時段隨各梯隊清潔校園，每週五天，每天半小時，不足六十小時之時數由服學組安排至單位服務。(102學年入學學生開始實施)
- 二、選擇於寒暑假期間重補修基本服務學習課程，則比照本校其他課程暑期開班授課之規定，每天以四小時為限，分十五個上班日完成。

Điều 6 Các khóa học dịch vụ cơ bản không vượt qua các lớp, việc thực hiện các khóa học dịch vụ cơ bản như sau:

1. Trong học kỳ, hãy chọn buổi sáng, buổi trưa hoặc buổi tối để làm sạch khuôn viên trường với mỗi cấp bậc. Mỗi thứ Sáu, nửa giờ, dưới 60 giờ, nhóm dịch vụ sẽ sắp xếp dịch vụ. (Các học sinh ghi danh trong trường 102 năm bắt đầu thực hiện)

Thứ hai, chọn nộp lại khóa học dịch vụ cơ bản trong kỳ nghỉ hè và mùa đông, theo quy định của các khóa học khác trong trường hè, giới hạn hàng ngày là bốn giờ, được chia thành 15 ngày làm việc.

第七條 為鼓勵學生參與多元服務教育之活動及基本服務教育反思心得撰寫，基本服務學習課程加分方式如下：

- 一、每參加一次多元服務學習活動得五分，最高加三十分。
- 二、基本服務學習反思心得最高加五分。
- 三、參加校內外志願服務並取得時數證明，每服務一小時加一分，最高加十分。

Điều 7 Để khuyến khích học sinh tham gia vào các hoạt động giáo dục đa ngành và giáo dục dịch vụ cơ bản, các khóa học dịch vụ cơ bản được bổ sung như sau:

Đầu tiên, mỗi khi bạn tham gia vào một hoạt động học tập đa dịch vụ, bạn sẽ nhận được năm điểm, tối đa ba mươi.

Thứ hai, các phản ánh học tập dịch vụ cơ bản lên đến năm điểm.

Thứ ba, tham gia vào dịch vụ tình nguyện bên trong và bên ngoài trường học và có được bằng chứng về số giờ, một điểm cho mỗi dịch vụ cộng thêm một điểm, cao nhất cộng với mười điểm.

第八條 本細則簽請校長核定後，自發布日施行，修正時亦同。

Điều 8 Sau khi việc ký kết các quy tắc được phê duyệt bởi hiệu trưởng, nó sẽ được thực hiện kể từ ngày ban hành, và điều tương tự cũng được áp dụng cho việc sửa đổi.